

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-35

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bá Tiến	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Minh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Anh	Ủy viên
Ông Khuất Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Khuất Minh Hà	Tổng Giám đốc
Bà Lê Nguyễn Mai Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Hồng Vân	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Tất Hiếu	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hồng Điệp	Thành viên
Bà Hoàng Nhật Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Bá Tiến

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		93.972.541.874	81.000.771.322
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.511.548.352	14.363.540.408
111	1. Tiền		14.511.548.352	14.363.540.408
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	89.709.738	106.458.215
121	1. Chứng khoán kinh doanh		144.664.480	144.664.480
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(54.954.742)	(38.206.265)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.718.608.236	65.844.696.554
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	22.095.421.128	19.346.294.379
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	306.023.390	327.689.782
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	54.317.163.718	46.170.712.393
140	IV. Hàng tồn kho	8	102.205.068	126.627.561
141	1. Hàng tồn kho		102.205.068	126.627.561
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.550.470.480	559.448.584
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.790.204.000	201.520.909
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		320.677.958	352.497.675
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	439.588.522	5.430.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.129.719.222	30.143.620.079
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		961.509.500	971.509.500
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	961.509.500	971.509.500
220	II. Tài sản cố định		19.182.200.521	20.456.344.924
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	19.182.200.521	20.456.344.924
222	- Nguyên giá		33.853.207.671	35.812.367.163
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.671.007.150)	(15.356.022.239)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	7.407.288.552	6.178.863.492
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.407.288.552	6.178.863.492
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.578.720.649	2.536.902.163
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.578.720.649	2.536.902.163
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		123.102.261.096	111.144.391.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		46.243.564.408	46.827.908.171
310	I. Nợ ngắn hạn		45.942.370.357	46.827.908.171
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	19.749.256.289	16.501.525.747
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	18.880.215.247	21.633.601.192
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	102.200.877	976.276.572
314	4. Phải trả người lao động		2.550.369.004	4.497.021.609
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	72.955.634	453.255.432
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.331.897.256	2.759.324.198
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	2.048.783.165	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		206.692.885	6.903.421
330	II. Nợ dài hạn		301.194.051	-
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28	301.194.051	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		76.858.696.688	64.316.483.230
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	76.858.696.688	64.316.483.230
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000	30.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(10.000.000)	-
415	3. Cổ phiếu quỹ		(20.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		17.233.134.913	15.992.121.555
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		310.253.339	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.707.547.746	6.493.507.828
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		1.338.260.014	260.793.326
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.369.287.732	6.232.714.502
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		15.617.780.690	11.830.853.847
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		123.102.261.096	111.144.391.401

Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT



Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI


Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam


Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	613.949.279.656	598.889.505.272
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		613.949.279.656	598.889.505.272
11	4. Giá vốn hàng bán	20	574.689.853.987	553.466.262.889
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.259.425.669	45.423.242.383
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.301.776.838	224.249.991
22	7. Chi phí tài chính	22	236.509.292	107.376.192
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		81.584.958	36.717.952
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(459.642.553)	1.084.367.845
25	9. Chi phí bán hàng	23	476.652.360	624.559.407
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	37.291.773.110	35.806.437.601
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.096.625.192	10.193.487.019
31	12. Thu nhập khác	25	1.965.530.671	112.397.502
32	13. Chi phí khác	26	410.614.330	155.357.696
40	14. Lợi nhuận khác		1.554.916.341	(42.960.194)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.651.541.533	10.150.526.825
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	500.384.460	1.892.920.076
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		301.194.051	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.849.963.022</u>	<u>8.257.606.749</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2.369.287.732	6.232.714.502
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		480.675.290	2.024.892.247
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29		1.924


Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019


Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng


Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.651.541.533	10.150.526.825
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.448.323.807	1.530.343.349
03	- Các khoản dự phòng		16.748.477	(53.764.699)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(113.740.321)	(31.201.810)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.590.652.420)	(380.750.885)
06	- Chi phí lãi vay		81.584.958	36.717.952
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.493.806.034	11.251.870.732
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10.873.236.694)	2.610.219.735
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		24.422.493	28.059.210
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.432.765.948)	(12.148.615.311)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(630.501.577)	398.510.957
14	- Tiền lãi vay đã trả		(78.629.324)	(36.717.952)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.628.164.379)	(1.428.454.766)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(545.003.421)	(354.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.670.072.816)	320.072.605
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.093.328.908)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.877.606.035	2.681.818.182
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	3.668.384.163
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.688.067.613)	(1.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		300.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.091.838.442	174.680.644
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.488.047.956	5.524.882.989
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		13.630.450.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		7.989.970.731	2.830.831.937
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(5.941.187.566)	(2.830.831.937)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.411.135.750)	(3.884.273.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.268.097.415	(3.884.273.700)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		86.072.555	1.960.681.894

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.363.540.408	12.330.604.149
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61.935.389	72.254.365
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>14.511.548.352</u>	<u>14.363.540.408</u>

Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng



hđqt
Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCĐL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 40.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 40.000.000.000 đồng; tương đương 4.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ vui chơi, giải trí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý bán vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh hướng dẫn du lịch; lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long (*)	Quảng Ninh	79,73%	79,73%	Kinh doanh nhà hàng khách sạn
Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch

(*) Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Khách sạn Vịnh Hạ Long từ ngày 15 tháng 11 năm 2018. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5701562214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 11 năm 2018.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, dịch vụ và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.805.008.441	1.315.742.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.706.539.911	13.047.798.358
	<u>14.511.548.352</u>	<u>14.363.540.408</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

Mã cổ phiếu	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
SHB	144.664.480	89.709.738	144.664.480	106.458.215
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>		<i>(54.954.742)</i>		<i>(38.206.265)</i>
	144.664.480	89.709.738	144.664.480	106.458.215
				(38.206.265)

(*) Giá trị hợp lý của Chứng khoán niêm yết được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính của chứng khoán trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2018		01/01/2018	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Thành phố Hà Nội	50%	50%	7.407.288.552
- Công ty TNHH TWX Việt Nam (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	35%	35%	6.141.627.532
				1.265.661.020
				7.407.288.552
	Thành phố Hà Nội	50%	50,00%	6.178.863.492
				6.178.863.492
				6.178.863.492

(*) Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội số 05/2016/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 09 năm 2016 về việc thống nhất chủ trương hợp tác với Công ty TNHH SDU Private Ltd của Ấn Độ để thành lập Công ty TWX Việt Nam để phát triển thị trường khách inbound Ấn Độ và các nước Âu, Mỹ, Úc... Trong năm 2018, các bên cùng nhau góp vốn vào công ty liên doanh theo tỷ lệ góp vốn trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8766516405 ngày 15 tháng 05 năm 2017 vào Dự án Công ty TNHH TWX Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
CATAI Tour	6.282.663.960	-	5.957.409.350	-
Myanmar Gold (ASIAN Continent)	920.129.475	-	-	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế Trung Thịnh Thượng Hải Maison del'Indochine	8.217.086.630	-	3.404.169.675	-
Công ty TNHH du lịch quốc tế Phong Quang Côn Minh	-	-	1.702.186.830	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.675.541.063	-	7.453.964.119	-
	22.095.421.128	-	19.346.294.379	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	445.962.355	-	337.619.305	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>				

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đại lý vé máy bay hàng không Vietjet	33.237.390	-	9.273.100	-
Tổng công ty hàng không Việt Nam	-	-	318.416.682	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Giang	124.040.000	-	-	-
Công ty Cổ phần du lịch Thiên nhiên	50.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	98.746.000	-	-	-
	306.023.390	-	327.689.782	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.900.000	-	6.900.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	21.806.450	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.385.036	-	817.050	-
Tạm ứng	43.857.331.041	-	41.699.130.766	-
Phải thu vé máy bay	3.887.843.023	-	3.213.296.558	-
Công ty TNHH TWX Việt Nam	-	-	799.748.989	-
Phải thu tiền chi hộ tái cơ cấu công ty con	1.287.014.316	-	-	-
Phải thu Công ty CP Ngắm Cảnh Việt Nam	4.313.022.392	-	-	-
Phải thu khác	941.861.460	-	450.819.030	-
	54.317.163.718	-	46.170.712.393	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	961.509.500	-	971.509.500	-
	961.509.500	-	971.509.500	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	92.470.594	-	103.765.911	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	5.750.000	-
Hàng hoá	9.734.474	-	17.111.650	-
	102.205.068	-	126.627.561	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	29.642.819.320	1.398.536.390	4.771.011.453	35.812.367.163
- Mua trong năm	-	-	1.093.328.908	1.093.328.908
- Thanh lý, nhượng bán	-	(753.400.000)	-	(753.400.000)
- Giảm khác (*)	(2.299.088.400)	-	-	(2.299.088.400)
Số dư cuối năm	27.343.730.920	645.136.390	5.864.340.361	33.853.207.671
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	12.630.427.505	562.329.098	2.163.265.636	15.356.022.239
- Khấu hao trong năm	567.565.537	131.969.922	748.788.348	1.448.323.807
- Thanh lý, nhượng bán	-	(395.913.759)	-	(395.913.759)
- Giảm khác (*)	(1.737.425.137)	-	-	(1.737.425.137)
Số dư cuối năm	11.460.567.905	298.385.261	2.912.053.984	14.671.007.150
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	17.012.391.815	836.207.292	2.607.745.817	20.456.344.924
Tại ngày cuối năm	15.883.163.015	346.751.129	2.952.286.377	19.182.200.521

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 424.209.117 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 26.320.783.531 đồng.

(*) Trong năm Công ty di dời và hoàn trả tòa nhà số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm bàn giao lại cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Tài Chính Toàn cầu để thực hiện lại dự án xây dựng lại khu tập thể và cải tạo trụ sở làm việc theo Quyết định số 2598/QĐ-UBND Thành phố Hà Nội. Tòa nhà trong năm đã bị phá dỡ để thực hiện dự án của Thành phố.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí dịch vụ thuê văn phòng	140.000.000	201.520.909
Chi phí vé máy bay năm 2019	1.623.708.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.496.000	-
	1.790.204.000	201.520.909
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	416.698.352	978.178.019
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.054.751.630	1.269.680.244
Chi phí trả trước dài hạn khác	107.270.667	289.043.900
	1.578.720.649	2.536.902.163

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang	-	-	125.320.000	125.320.000
- Công ty TNHH Vinpearland	-	-		
- Công ty CP Du thuyền Năm sao Tuần Châu	1.480.099.354	1.480.099.354	1.250.712.500	1.250.712.500
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hải Vân Nam (Khách sạn Havana)	3.564.154.300	3.564.154.300	1.611.158.000	1.611.158.000
- Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	1.402.587.721	1.402.587.721	-	-
- Công ty TNHH Du lịch Minh Việt	976.751.364	976.751.364	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	12.325.663.550	12.325.663.550	13.514.335.247	13.514.335.247
	19.749.256.289	19.749.256.289	16.501.525.747	16.501.525.747
b) Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(Xem chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>	-	-	100.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	265.742.955	3.811.064.212	3.986.314.193	10.542.982	101.035.956
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	704.164.379	500.384.460	1.628.164.379	423.615.540	-
Thuế Thu nhập cá nhân	5.430.000	6.369.238	21.164.921	26.369.238	5.430.000	1.164.921
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	398.760.609	398.760.609	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	71.581.774	71.581.774	-	-
	5.430.000	976.276.572	4.809.955.976	6.118.190.193	439.588.522	102.200.877

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Đại lý Du lịch Hàng không Quốc tế Vân Nam	4.150.000.000	2.823.910.000
MYANMAR GOLD (ASIAN CONTINENT)	-	622.751.748
Công ty TNHH du lịch thông tin quốc tế Thành Đô, Chi nhánh Cẩm Giang	6.600.000.000	8.797.073.722
STJERNEGAARD	-	780.989.252
Khách Lotus Travel	3.587.676.280	1.965.897.876
Phải trả các đối tượng khác	4.542.538.967	6.642.978.594
	18.880.215.247	21.633.601.192

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.955.634	-
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	300.000.000
- Chi phí phải trả khác	70.000.000	153.255.432
	72.955.634	453.255.432

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	16.103.894	38.042.755
- Bảo hiểm xã hội	29.601.618	74
- Tạm ứng thừa	-	2.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	172.850.400	172.986.150
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	2.000.000.000	1.449.539.173
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	113.341.344	1.096.756.046
	2.331.897.256	2.759.324.198
b) Phải trả khác là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	2.000.000.000	1.449.539.173

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	7.989.970.731	5.941.187.566	2.048.783.165	2.048.783.165
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sở giao dịch (*)	-	-	7.989.970.731	5.941.187.566	2.048.783.165	2.048.783.165
	-	-	7.989.970.731	5.941.187.566	2.048.783.165	2.048.783.165

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng tín dụng số KH2-180102/HDC/CTD.DLVNHN ngày 17/07/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 2.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời cho bên vay do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán, hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ;
- + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực;
- + Lãi suất cho vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay trên các Giấy nhận nợ chưa tất toán đến thời điểm 31/12/2018 là 9,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.048.783.165 đồng;
- + Các hình thức đảm bảo khoản vay: Vay không có đảm bảo.



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	-	-	-	-	-	14.487.705.217	-	-	-	6.266.976.199	9.805.961.600	9.805.961.600	60.560.643.016		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.232.714.502	2.024.892.247	2.024.892.247	8.257.606.749		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.504.416.338	-	-	-	(6.006.182.873)	-	-	(4.501.766.535)		
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	-	-	-	-	-	15.992.121.555	-	-	-	6.493.507.828	11.830.853.847	11.830.853.847	64.316.483.230		
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	-	-	-	-	-	15.992.121.555	-	-	-	6.493.507.828	11.830.853.847	11.830.853.847	64.316.483.230		
Tăng vốn trong năm nay	10.000.000.000	(10.000.000)	-	-	(20.000)	-	-	-	-	-	(2.399.980.000)	6.347.157.523	6.347.157.523	13.937.157.523		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.369.287.732	480.675.290	480.675.290	2.849.963.022		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.241.013.358	-	310.253.339	-	(3.671.773.376)	(1.911.000.000)	(1.911.000.000)	(4.031.506.679)		
Tăng khác do tăng vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.021.918.933	(1.028.626.456)	(1.028.626.456)	(6.707.523)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(105.413.371)	(101.279.514)	(101.279.514)	(206.692.885)		
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	(10.000.000)	(10.000.000)	(10.000.000)	(20.000)	(20.000)	17.233.134.913	310.253.339	310.253.339	3.707.547.746	15.617.780.690	15.617.780.690	76.858.696.688			

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-DHDCD ngày 09/04/2018 đã phê duyệt chủ trương chào bán 760.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chia cổ tức bằng 240.000 cổ phiếu. Căn cứ vào Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 10/BC-VNT ngày 05 tháng 09 năm 2018 của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội đã chào bán được 760.000 cổ phiếu trong đó bao gồm: 727.290 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1000:253 và 32.710 cổ phiếu còn lại chào bán cho cổ đông khác do cổ đông hiện hữu không mua hết theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 31/08/2018, mệnh giá một cổ phiếu là 10.000 đồng, tổng giá trị chào bán là 7.600.000.000 đồng. Đồng thời Công ty công bố kết quả chia cổ tức bằng cổ phiếu trong đó: 239.998 cổ phiếu được phân phối cho các cổ đông theo danh sách cổ đông được hưởng cổ tức chót ngày 03/08/2018 theo tỷ lệ 100:8 và 02 cổ phiếu được ghi nhận là cổ phiếu quỹ. Mục đích chào bán cổ phiếu là bổ sung vốn lưu động để mở rộng sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018, Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội công bố việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng đăng ký phát hành 1.000.000 cổ phần tương đương 10.000.000.000 đồng và phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	6.264.088.668
Trích Quỹ đầu tư phát triển	19,81%	1.241.013.358
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4,95%	310.253.339
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,91%	620.506.679
Chi trả cổ tức (bằng 13% vốn điều lệ)	62,26%	3.900.000.000
<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu (8%)</i>		2.400.000.000
<i>Chia cổ tức bằng tiền mặt (5%)</i>		1.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	3,07%	192.315.292

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ2017 ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	4.132.433.158
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	206.692.885
Chi trả cổ tức	94,38%	3.900.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,62%	25.740.273

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Nguyễn Bá Tiến	6,04%	2.415.360.000	1,81%	543.000.000
Đặng Thị Minh Chi	10,16%	4.065.650.000	10,17%	3.050.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,00%	1.999.500.000	5,00%	1.500.000.000
Hoàng Tùng	5,57%	2.227.710.000	6,88%	2.062.700.000
Công ty TNHH NN Một thành viên XNK và Đầu tư Hà Nội	9,80%	3.919.020.000	9,80%	2.940.000.000
Nguyễn Thị Minh Yên	11,91%	4.762.800.000	14,70%	4.410.000.000
Trần Ngọc Nhật	18,13%	7.251.520.000	18,13%	5.440.000.000
Khuất Minh Hà	12,61%	5.044.730.000	17,62%	5.284.500.000
Các cổ đông khác	20,78%	8.313.690.000	15,90%	4.769.800.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	20.000	0,00%	-
	100%	40.000.000.000	100%	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.900.000.000	3.900.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.900.000.000	3.900.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2	
- Cổ phiếu phổ thông	2	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.999.998	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.999.998	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.233.134.913	15.992.121.555
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	310.253.339	-
	17.543.388.252	15.992.121.555

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại đường Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2001 đến năm 2030. Diện tích khu đất thuê là 305m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty Cổ phần Khách sạn Vịnh Hạ Long ký các hợp đồng thuê đất tại Khu 5, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh để sử dụng với mục đích xây trụ sở văn phòng với thời hạn thuê đất 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 4.192 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	51.415,34	63.901,94
- Đồng Euro (EUR)	409,12	3.873,97

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	613.949.279.656	598.889.505.272
	613.949.279.656	598.889.505.272
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>	1.130.714.516	370.149.727

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	574.689.853.987	553.466.262.889
	574.689.853.987	553.466.262.889

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	30.861.299	86.324.670
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	1.060.977.143	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	96.198.075	104.875.672
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	113.740.321	33.049.649
	1.301.776.838	224.249.991

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	81.584.958	36.717.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	92.721.312	122.575.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.847.839
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	16.748.477	(53.764.699)
Chi phí tài chính khác	45.454.545	-
	236.509.292	107.376.192

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	208.194.070	251.452.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.458.290	373.106.672
	476.652.360	624.559.407

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	351.656.301	450.051.934
Chi phí nhân công	19.310.914.529	19.488.955.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	894.047.354	967.868.204
Thuế, phí, lệ phí	423.712.965	427.179.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.656.554.921	5.290.883.936
Chi phí khác bằng tiền	9.654.887.040	9.181.497.815
	37.291.773.110	35.806.437.601

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	112.021.047
Tiền thu từ bồi thường di dời khỏi tòa nhà số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm	1.958.456.531	-
Thu nhập khác	7.074.140	376.455
	1.965.530.671	112.397.502

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	175.668.060	51.501.850
Các khoản bị phạt	174.168.654	60.208.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	60.763.814	-
Chi phí khác	13.802	43.647.313
	410.614.330	155.357.696

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	245.179.814	780.464.002
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	255.204.646	1.112.456.074
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	500.384.460	1.892.920.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	704.164.379	239.699.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.628.164.379)	(1.428.454.766)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(423.615.540)	704.164.379

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	0%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	301.194.051	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	301.194.051	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	301.194.051	-
	301.194.051	-

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2.369.287.732	6.232.714.502
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.369.287.732	6.232.714.502
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.411.206	3.239.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	695	1.924

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.567.378.555	1.700.278.678
Chi phí nhân công	96.102.576.541	20.946.867.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.448.323.807	1.530.343.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.942.514.469	492.622.144.898
Chi phí khác bằng tiền	138.397.486.085	73.097.625.902
	612.458.279.457	589.897.259.897

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	14.511.548.352	-	14.363.540.408	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	77.374.094.346	-	66.488.516.272	-
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	(54.954.742)	144.664.480	(38.206.265)
	92.030.307.178	(54.954.742)	80.996.721.160	(38.206.265)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.048.783.165	-
Phải trả người bán, phải trả khác	22.081.153.545	19.260.849.945
Chi phí phải trả	72.955.634	453.255.432
	24.202.892.344	19.714.105.377

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư ngắn hạn	89.709.738	-	-	89.709.738
	89.709.738	-	-	89.709.738
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư ngắn hạn	106.458.215	-	-	106.458.215
	106.458.215	-	-	106.458.215

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.511.548.352	-	-	14.511.548.352
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.412.584.846	961.509.500	-	77.374.094.346
	90.924.133.198	961.509.500	-	91.885.642.698
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.363.540.408	-	-	14.363.540.408
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.517.006.772	971.509.500	-	66.488.516.272
	79.880.547.180	971.509.500	-	80.852.056.680

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	2.048.783.165	-	-	2.048.783.165
Phải trả người bán, phải trả khác	22.081.153.545	-	-	22.081.153.545
Chi phí phải trả	72.955.634	-	-	72.955.634
	<u><u>24.202.892.344</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>24.202.892.344</u></u>
Tại ngày 01/01/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.260.849.945	-	-	19.260.849.945
Chi phí phải trả	453.255.432	-	-	453.255.432
	<u><u>19.714.105.377</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>19.714.105.377</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty TNHH TWX Việt Nam	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu	1.130.714.516	370.149.727
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	-	370.149.727
Công ty TNHH TWX Việt Nam	1.130.714.516	-
Mua hàng hóa dịch vụ	-	1.064.193.097
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	-	1.064.193.097
Số dư tại ngày kết thúc năm:		
	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	445.962.355	337.619.305
Công ty TNHH TWX Việt Nam	445.962.355	337.619.305
Phải trả người bán ngắn hạn	-	100.000.000
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	-	100.000.000
Phải trả khác	2.000.000.000	1.449.539.173
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	2.000.000.000	1.449.539.173

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng giám đốc	389.251.600	410.553.254
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	1.061.149.428	997.747.353

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Đào Hồng Vân

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Tiên
Chủ tịch HĐQT